

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – ĐẮK LẮK
Bản án số: 31/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27/8/2025
“V/v ly hôn, con chung”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Việt Thống và ông Đoàn Văn Thống.

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Mai Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắc Lắc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đắc Lắc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắc Lắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 150/2025/TLST-HNGĐ ngày 14/3/2025 về việc: “Ly hôn, con chung”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1989.

Địa chỉ: **Tổ dân phố G, phường T, tỉnh Đắc Lắc**; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Ông Trần Thế A, sinh năm 1990.

Địa chỉ: **Tổ dân phố G, phường T, tỉnh Đắc Lắc**.

Hiện đang chấp hành cai nghiện tại: Cơ sở cai nghiện ma túy số B tỉnh Lâm Đồng, **thôn G, xã P, tỉnh Đắc Lắc**; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N trình bày: Bà Nguyễn Thị Kim N và ông Trần Thế A tìm hiểu yêu thương nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, tỉnh Đắc Lắc vào ngày 25/1/2016.

Sống chung hạnh phúc một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng không quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ. Vì vậy, tôi có nguyện vọng xin được ly hôn với ông Trần Thế A.

Về con chung: Bà Kim N và ông Thế A có 3 con chung là: Trần Ngọc Bảo T, sinh ngày 16/11/2015, Trần Ngọc Bảo U, sinh ngày 22/4/2019 và Trần Ngọc Bảo

A1, sinh ngày 13/6/2022; Bà **Nguyễn Thị Kim N** có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 3 con chung đến khi các cháu đủ tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Thế A trình bày:

Bà **Kim N** và ông **Thế A** tìm hiểu yêu thương nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **UBND phường T**, tỉnh **Đắk Lắk** vào ngày 25/1/2016. Quá trình sống chung hòa thuận đến năm 2024 thì vợ chồng mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống trong quản lý kinh tế gia đình, bản thân bà **N** có nhắn tin và nói chuyện tình cảm với người đàn ông khác quen biết qua mạng, hơn nữa bà **N** có chuyển tiền của gia đình cho người đàn ông này. Khi ông **Thế A** biết được sự việc thì vợ chồng bất hòa. Sau đó, vợ chồng vẫn cải thiện tình cảm để chung sống với nhau nhưng bà **N** không thay đổi nên vợ chồng lại xảy ra bất hòa. Ông **Thế A** nhận thấy bản thân có những sai trái cần sửa đổi và có mong muốn vợ chồng hàn gắn để chăm sóc, nuôi dưỡng con cái, xây dựng hạnh phúc gia đình. Do vậy, ông **Thế A** không đồng ý ly hôn với bà **N**.

Về con chung: Bà **Kim N** và ông **Thế A** có 3 con chung là: **Trần Ngọc Bảo T**, sinh ngày 16/11/2015, **Trần Ngọc Bảo U**, sinh ngày 22/4/2019 và **Trần Ngọc Bảo A1**, sinh ngày 13/6/2022; Ông **Trần Thế A** có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 3 con chung đến khi các cháu đủ tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử.

Về quan hệ hôn nhân: Bà **Nguyễn Thị Kim N** được ly hôn với ông **Trần Thế A**.

Về con chung: Bà **Kim N** và ông **Thế A** có 3 con chung là: **Trần Ngọc Bảo T**, sinh ngày 16/11/2015, **Trần Ngọc Bảo U**, sinh ngày 22/4/2019 và **Trần Ngọc Bảo A1**, sinh ngày 13/6/2022; Giao 03 con chung là **Trần Ngọc Bảo T**, sinh ngày 16/11/2015, **Trần Ngọc Bảo U**, sinh ngày 22/4/2019 và **Trần Ngọc Bảo A1**, sinh ngày 13/6/2022 cho bà **Kim N** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2]. Về nội dung vụ án: Bà **Nguyễn Thị Kim N** và ông **Trần Thế A** kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại **UBND phường T**, tỉnh **Đắk Lắk** vào ngày 25/1/2016. Quá trình sống chung có 03 người con chung là **Trần Ngọc Bảo T**, sinh ngày 16/11/2015, **Trần Ngọc Bảo U**, sinh ngày 22/4/2019 và **Trần Ngọc Bảo A1**, sinh ngày 13/6/2022, do cuộc sống có nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc nên bà **Kim N** khởi kiện ra tòa đề nghị xem xét giải quyết.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Bà **Nguyễn Thị Kim N** và ông **Trần Thế A** kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại **UBND phường T**, tỉnh **Đắk Lắk** vào ngày 25/1/2016, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình sinh sống vợ chồng bà **Kim N** xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, không còn sự tôn trọng lẫn nhau, không tìm được tiếng nói chung, không còn khả năng đoàn tụ nên bà **Kim N** có nguyện vọng được ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà **Kim N** và ông **Thế A** đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **Kim N** là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Giao 03 con chung là **Trần Ngọc Bảo T**, sinh ngày 16/11/2015, **Trần Ngọc Bảo U**, sinh ngày 22/4/2019 và **Trần Ngọc Bảo A1**, sinh ngày 13/6/2022 cho bà **Kim N** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 81, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Kim N**.

Về quan hệ hôn nhân: Bà **Nguyễn Thị Kim N** được ly hôn ông **Trần Thế A**.

Về con chung: Giao 03 con chung là **Trần Ngọc Bảo T**, sinh ngày 16/11/2015, **Trần Ngọc Bảo U**, sinh ngày 22/4/2019 và **Trần Ngọc Bảo A1**, sinh ngày 13/6/2022 cho bà **Kim N** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà **Nguyễn Thị Kim N** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông/bà **Nguyễn Minh P** đã nộp thay cho bà **Nguyễn Thị Kim N** tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000860 ngày 21/02/2025.

Các đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu vực 1 – Đắk Lắk;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- UBND phường Tân Lập;
- Các đương sự;
- Lưu: HS +VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa Phiên tòa
Đã Ký

Lê Đình Thanh